

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 9 - 2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mùa Thị Mỹ và bà Vì Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về vụ việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M; sinh năm 1971; địa chỉ: Tiểu khu B, Thị trấn Y, Huyện Y, Tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Quàng Thị D; sinh năm 1976; địa chỉ: Tiểu khu B, Thị trấn Y, Huyện Y, Tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Yên Châu ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông Nguyễn Văn M và bà Quàng Thị D kết hôn với nhau từ ngày 04/12/1995, việc kết hôn hoàn toàn là do tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn và được 2 bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương, Từ khi kết hôn ông, bà chung sống cùng gia đình bà D tại Tiểu khu B, Thị trấn Y, Huyện Y, Tỉnh Sơn La. Ông M và bà D chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2023 cho

đến nay. Hiện nay ông Nguyễn Văn M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, không còn niềm tin để tiếp tục xây dựng cuộc sống chung gia đình. Vì vậy ông Nguyễn Văn M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với bà D.

Về con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Văn Bình S năm 1995, và Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 1998. Hiện nay cả 2 con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và đã đi xây dựng gia đình riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2024, bản tự khai ngày 19/8/2028 và biên bản ghi lời khai bổ sung ngày 30/8/2024 bị đơn bà Quàng Thị D trình bày:

Bà Quàng Thị D nhất trí như ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn M về quá trình tìm hiểu, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn theo bà D là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Tuy nhiên Bà D xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vì vậy bà D không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 2 con chung, hiện nay cả 2 cháu đều đã trưởng thành và đã đi xây dựng gia đình riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Nhất trí tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Quàng Thị D cho rằng có nợ chung nhưng bà đã tự đứng ra trả nợ trong thời gian ông bà ly thân cụ thể bà đã trả nợ như sau:

- + Trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Y số tiền 40.000.000 đồng;
- + Trả nợ Hội phụ nữ tiểu khu B, thị trấn Y huyện Y số tiền 25.000.000 đồng;
- + Trả nợ Bà Nguyễn Ngọc H, địa chỉ: tiểu khu B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La số tiền 15.000.000 đồng;
- + Trả nợ bà Nguyễn Thị P, địa chỉ: tiểu khu B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La số tiền 8.000.000 đồng;
- + Trả nợ ông Nguyễn Văn G, địa chỉ: ở tỉnh Bình Dương số tiền 15.000.000 đồng;
- + Trả nợ ông Hà Văn O, địa chỉ: bản S, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Quàng Thị D đã trả nợ chung là 143.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng), các khoản nợ này bà D cho rằng trước kia bà quên không kê vào biên bản thỏa thuận chia tài sản vì nghĩ rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn hàn gắn được không đến mức 2 vợ chồng ly hôn. Nhưng hiện tại ông M đòi ly hôn, nên bà yêu cầu ông M có trách nhiệm trả lại cho bà một nửa số tiền trên là 71.500.000 đồng (Bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Tòa án nhân dân huyện Yên Châu đã ra thông báo số 01/TB-TA ngày 26 tháng 7 năm 2024 yêu cầu bà **D** cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày 26/7/2024 là ngày giao thông báo cho bà **D**, nhưng đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử và đến phiên tòa bà **D** mới nộp cho Tòa án bản sao kê số tiền trả nợ Ngân hàng chính sách huyện **Y** 40.000.000 đồng và trả nợ Ngân hàng nông nghiệp huyện **Y** 280.000.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Yên Châu đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ, xác minh lời khai của những người tham gia phiên họp chia tài sản trước khi ly hôn đối với ông **Hà Văn B**, Ông **Nguyễn Ngọc H1**, ông **Thái Hồng S1** các ông đều xác nhận: Trước khi ông **M**, bà **D** quyết định ly hôn đã gọi các ông đến để giải quyết vấn đề tài sản vào ngày 20/4/2023 tại nhà ông **Thái Hồng S1**, tiểu khu **B**, thị trấn **Y**. Có nội dung Sau khi được sự thống nhất ý kiến của thành viên gia đình ông **M**, bà **D**, về phần tiền đã bán nhà đất, sau khi đã trừ toàn bộ phần nợ chung đã trả xong thì số tiền còn lại là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) chia làm 5 phần, phần của ông **M** được chia là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), đã được giao luôn cho ông **M**, 4 suất còn lại do bà **D** giữ.

Tiến hành lấy lời khai đối với anh **Nguyễn Văn B1** và chị **Nguyễn Thị Thảo L** là con đẻ của ông **M**, bà **D**. Anh **B1** và chị **L** trình bày: Do ông **M**, bà **D** có nợ ngân hàng và một số người khác, nên gia đình đã thống nhất bán nhà để trả nợ chung và chia tài sản. Sau khi bán nhà đất được 1.350.000.000 đồng, bà **D** đã lấy số tiền 350.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng **N** huyện để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về làm thủ tục chuyển nhượng cho người mua, còn lại 1.000.000.000 đồng thống nhất bàn bạc sẽ bỏ ra 250.000.000 đồng để trả nợ chung còn lại của ông bà **M**, **D**. Tuy nhiên bà **D** chưa kịp đi trả nợ chung như thỏa thuận trên thì ông **M** đòi ly hôn và chia tài sản nên cả gia đình đã thống nhất chia tài sản làm 5 phần, phần của ông **M** được chia 190.000.000 đồng để yên tâm về quê chữa bệnh. Sau đó bà **D** đã dùng 250.000.000 đồng phần của bà để đi trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông **M**, bà **D**. Còn cụ thể nợ ai, ở đâu như thế nào thì anh **B1** và chị **L** không biết.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận và thống nhất với nhau một số vấn đề như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung. Hiện nay cả hai cháu đều đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Tại phiên tòa ông **M** và bà **D** tự thỏa thuận. Bà **D** rút yêu cầu buộc ông **M** phải trả lại cho bà số tiền 71.500.000 đồng bà đã đứng ra trả nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những nội dung các đương sự chưa thỏa thuận được, còn đang tranh chấp gồm:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn còn bà Quàng Thị D xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chưa đến mức ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho 2 bên đoàn tụ để xây dựng cuộc sống chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn M là có căn cứ. Cần chấp nhận đơn khởi kiện: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về tình cảm Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Quàng Thị D.

- Về con chung: Có 2 con chung, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và đã xây dựng gia đình riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chấp nhận ý kiến của bà D rút yêu cầu buộc ông M trả lại cho bà số tiền nợ. Hai ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La giải quyết được ly hôn bà Quàng Thị D có nơi cư trú tại huyện Y. Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Quàng Thị D kết hôn với nhau từ ngày 04/12/1995, việc kết hôn hoàn toàn là do tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn và được 2 bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Từ khi kết hôn ông bà chung sống cùng gia đình bà D tại Tiểu khu B, Thị trấn Y, Huyện Y, Tỉnh Sơn La. Ông M và bà D chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Hiện nay ông Nguyễn Văn M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, không còn niềm tin để tiếp tục xây dựng cuộc sống chung gia đình. Ông Nguyễn Văn M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với bà Quàng Thị D.

Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Quàng Thị D không nht trí ly hôn vì cho rằng tình cảm chung vợ chồng vẫn còn nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy trước khi ly thân ông bà đã thỏa thuận bán tài sản chung, trả nợ chung và chia tài sản, việc thỏa thuận đó được lập thành văn bản, có sự tham gia chứng kiến của đại diện gia đình và Tiểu khu nơi cư trú. Thực tế ông M và bà D đã sống ly thân từ tháng 4/2023 hai bên không ai còn quan tâm đến ai, không ai còn quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình, điều đó chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn M phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "...Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Cần xử cho ông Nguyễn Văn M và bà Quàng Thị D được ly hôn.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn B1, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 1998. Cả 2 con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa bà D rút yêu cầu buộc ông M trả lại cho bà số tiền nợ 71.500.000 đồng. Hai ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc rút yêu cầu, hai ông bà tự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông **Nguyễn Văn M** được ly hôn bà **Quàng Thị D**.

2. Về con chung: Có 02 con chung là **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1995 và **Nguyễn Thị Thảo L**, sinh năm 1998. Cả 2 cháu đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông **Nguyễn Văn M** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000355 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBND thị trấn Yên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Tùng